

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Đức Chung

2. Ông Lê Hoàng Quy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Bích Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:88/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2019; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 33, khu P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 131/1, tổ 6, ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi T trình bày:

Chị và anh P tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 đến năm 2005 ly hôn đến năm 2010 chung sống lại có đăng ký kết hôn tại UBND xã L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nhưng vì con chị cố gắng chịu đựng đến tháng 6/2018 chị về nhà mẹ ruột sống ly thân anh P cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Con chung: có ba cháu Nguyễn Thụy Thùy L, sinh ngày 31/8/2003; Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 08/7/2011; Nguyễn Hoàng Tấn L, sinh ngày 08/7/2011. Chị đề nghị tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

Về nợ chung: không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 8 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:*

Anh và chị T kết hôn năm 2001 đến năm 2005 ly hôn. Năm 2010 chung sống lại có đăng ký kết hôn tại UBND xã L.

Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và cãi vã nhau anh có đánh chị T nên chị bỏ đi về nhà mẹ ruột sống từ tháng 6/2019 đến nay. Anh có đến bàn bạc đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý mà vợ chồng tiếp tục gây gổ nhau, chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì con còn nhỏ.

Về con chung: có ba cháu như chị T khai là đúng theo nguyện vọng các con anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

\* Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi T. Con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng ba cháu con chung, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tấn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 đến năm 2005 ly hôn nhưng năm 2010 chung sống lại với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 16 tháng 7 năm 2010) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xin ly hôn anh P không đồng ý với lý do con còn nhỏ và không đến tham dự hòa giải nên Tòa không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại Tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã thực sự trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2017 đến nay, do anh P thường xuyên chửi bới, đánh vợ nên chị T phải về nhà mẹ ruột sinh sống ly thân anh P từ tháng 6/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh P bàn bạc đoàn tụ mà đến gây gổ với gia đình vợ Công an thị trấn phải đến giải quyết. Chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh P.

[3]. Về con chung: Có ba cháu Nguyễn Thụy Thùy L, sinh ngày 31/8/2003; Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 08/7/2011; Nguyễn Hoàng Tấn L, sinh ngày 08/7/2011.

Xét thấy từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, các cháu được chị T nuôi dưỡng tốt, hiện tại các cháu đều trên 7 tuổi qua tham khảo ý kiến đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Vì vậy cần giao ba cháu L, P, Tấn L cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản để tự thỏa thuận nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227, Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Tấn P.

2- Về con chung : Giao ba cháu Nguyễn Thụy Thùy L, sinh ngày 31/8/2003; Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 08/7/2011; Nguyễn Hoàng Tấn L, sinh ngày 08/7/2011 cho chị Bùi T tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Nguyễn Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Tấn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3- Tài sản chung, nợ chung : Không xét.

4- Về án phí: Chị Bùi T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005413 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tấn P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã L ,GCNKH
- số 61 ngày 12/12/2010 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phụng**





***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;

**PHIÊN TÒA**

- VKS huyện Long Thành;
- Thi hành án huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu V.P – H.S;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA**

**Đỗ Thị Nhung**

















TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

**Nơi nhận:**

-Toà án tỉnh ĐN

-VKS

-THA

-Các đương sự

-Lưu hồ sơ

-Lưu VP

**Đỗ Thị Nhung**



